

# MỘT SỐ BIỆN PHÁP PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC TỔ CHỨC HỢP TÁC TRONG DẠY HỌC TÁC PHẨM VĂN CHƯƠNG CHO SINH VIÊN SƯ PHẠM NGỮ VĂN

CHÂU THỊ KIM NGÂN\*

Ngày nhận bài: 22/05/2017; ngày sửa chữa: 23/05/2017; ngày duyệt đăng: 25/05/2017.

**Abstract:** Developing cooperative competence in teaching literature works for literature pedagogical students is very necessary and must consider features of literature works. This article proposes measures to develop cooperative competence in teaching literature works for literature pedagogical students with aim to improve quality of training of literature students under cooperative teaching.

**Keywords:** Training orientation, working in group, critical thinking, cooperative learning.

## 1. Đặt vấn đề

Hoạt động học tập của sinh viên (SV) hiện nay ở các trường cao đẳng, đại học đang chịu sự tác động và chi phối rất lớn của xã hội thông tin trong nền kinh tế tri thức. Đây chính là điều kiện nhưng đồng thời cũng là sức ép khá lớn đối với người học, nó đòi hỏi sự vận động và nỗ lực rất lớn từ phía họ. Sự thay đổi để thích ứng và thích nghi không chỉ dừng ở vấn đề định hướng suy nghĩ, xác định phương pháp, cách thức học tập mà còn là ý thức rèn luyện các kĩ năng và phát triển những năng lực cơ bản, cần thiết cho nghề nghiệp sau này. Nhất là đối với SV Ngữ văn ở các trường sư phạm thì điều này lại cần thiết hơn bao giờ hết. Để trở thành một giáo viên thực thụ với đặc thù *dạy chữ* kết hợp với *dạy người*, thì bên cạnh kiến thức nền, họ còn phải có những năng lực cơ bản như: nghiên cứu, giao tiếp, tổ chức...

Năng lực tổ chức hợp tác chính là một trong những năng lực nổi trội đầu tiên, quyết định thành công trong hoạt động sư phạm của người giáo viên tương lai trong việc điều khiển và điều chỉnh quá trình tiếp nhận tác phẩm văn học. Hiệu ứng tích cực của quá trình rèn tay nghề cho SV cũng như hiệu quả cụ thể của việc dạy học Ngữ văn được quyết định phần lớn bởi năng lực này. Vận dụng dạy học hợp tác trong quá trình đào tạo chính là một hướng đi đúng đắn trong mục tiêu nhằm đáp ứng và đón đầu việc đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông Việt Nam sau 2015 theo hướng phát triển năng lực và phẩm chất người học.

Năng lực học tập hợp tác là một trong những mục tiêu quan trọng phù hợp với yêu cầu và phương thức đào tạo ở bậc đại học, cao đẳng hiện nay. Bởi trong môi trường học tập này, người học phải tham gia trực tiếp vào hoạt động học tập bằng cách thảo luận, hỗ trợ, thuyết phục, giúp đỡ lẫn nhau đồng thời biết cách phản biện, bảo vệ ý kiến của mình trước bạn học.

Trong học tập hợp tác, mỗi cá nhân không chỉ lĩnh hội tri thức, kĩ năng, hình thành những phẩm chất nhân cách của cá nhân mà còn giúp cho tất cả những thành viên trong nhóm, tổ, có được điều đó. Từ đó, khả năng tư duy sáng tạo, khả năng phân tích tổng hợp và khả năng giải quyết vấn đề của SV đạt được cao hơn hẳn so với cách học truyền thống. Phương pháp dạy học này tạo nên môi trường hợp tác giữa SV-SV và sự tương tác giữa giảng viên (GV) - SV, người học sẽ là "trung tâm" của quá trình dạy học và GV chỉ là người định hướng và điều khiển. Quan điểm dạy học trên đang được áp dụng có hiệu quả ở tất cả các bậc học và xuất hiện trong nhiều môn học khác nhau ở phạm vi trong nước, khu vực và quốc tế.

**2. Một số biện pháp nhằm góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo cho SV sư phạm Ngữ văn theo quan điểm hợp tác**

**2.1. Thiết kế, tổ chức giờ học theo hướng rèn luyện và phát triển các kĩ năng dạy học hợp tác gắn với đặc thù bộ môn**

Để có thể tổ chức một giờ dạy học hợp tác được thành công, tất cả các khâu như: ra yêu cầu (đặt câu hỏi, nêu vấn đề), chia nhóm, lựa chọn nội dung học tập... cho nhóm hoạt động chính là những khâu cơ bản và quan trọng nhất. Tầm quan trọng của vấn đề trên không chỉ ở phương diện định hướng và cung cấp kiến thức mà quan trọng không kém chính là việc chú trọng để rèn luyện các kĩ năng nhằm phát triển các năng lực cơ bản cho người học. Môn *Ngữ văn* là môn học đặc biệt trong sự lay thức cá tính, yêu cầu trên còn đòi hỏi những ứng xử sư phạm đặc thù. Chính vì vậy, để đào tạo tay nghề cho giáo viên Ngữ văn tương lai, điều quan trọng nhất là cần phải *tạo lập* và *đặt nền móng* cơ

\* Trường Cao đẳng Sư phạm Bình Phước

bản cho SV được cọ xát, làm quen các kĩ năng, thao tác cơ bản và cần thiết cho nghề nghiệp.

Muốn làm được điều trên, trong quá trình định hướng đào tạo, nhất thiết GV phải xác lập và xây dựng được một hệ thống *mẫu* (câu hỏi, thao tác, cách thức) và *dạng* (thuyết trình, phản biện, thông tin) trên cơ sở bám sát các yêu cầu của bộ môn và phải đảm bảo tính mẫu mực, điển hình. Điều này không chỉ quyết định sự thành công, hiệu quả và chất lượng của giờ học hợp tác mà còn có vai trò định hướng, chỉ đường cho SV trong việc phân loại, nhận diện các kĩ năng cần thiết cho bản thân để vận dụng. Do đó, *mẫu* và *dạng* chính là hai phương diện buộc phải được GV quan tâm và đầu tư nhiều nhất nếu muốn phát triển năng lực dạy học hợp tác cho SV. Có thể nêu ra một số yêu cầu về nội dung và hình thức của *mẫu* và *dạng* để vận dụng như sau:

Đối với *mẫu*: phải bám sát đặc trưng thể loại và nhất quán, cụ thể đối với từng loại thể; phải đảm bảo tính trình tự, hệ thống ứng với các mức độ cần bồi dưỡng, phát triển; đối với từng loại mẫu cần chú ý tạo tình huống để rèn luyện khả năng thích ứng và xử lí linh hoạt cho SV. Đối với *dạng*: xây dựng nội dung học tập, thảo luận theo hướng mở rộng, đào sâu trên cơ sở bám sát đặc trưng thể loại; tăng cường lượng thông tin nhiều chiều, tránh “tái hiện” chung chung; cần phân loại các nhóm chức năng gắn với yêu cầu rèn luyện cụ thể; kích thích độ tự tin, sáng tạo trong mỗi cá nhân, nhóm, tổ.

### **2.2. Lồng ghép có chủ đích các kĩ năng thực hành nghề nghiệp chuyên biệt về dạy học hợp tác cho SV trong suốt quá trình đào tạo**

Có thể khẳng định, xét đến cùng, trong mọi nội dung, kiến thức cần cung cấp cho SV Ngữ văn trong suốt quá trình đào tạo, mục tiêu chính vẫn là việc SV có đủ kiến thức và năng lực để đáp ứng yêu cầu đặc thù trong dạy học ở phổ thông. Vì thế, sẽ là một thiếu sót lớn nếu trong quá trình ấy, SV không được tạo điều kiện để rèn luyện các kĩ năng, thao tác cần thiết, chuyên biệt theo yêu cầu của nghề nghiệp. Ý thức về nghề cũng như những kinh nghiệm cần tích lũy của các em về cách hướng dẫn học sinh *tiếp cận hình tượng; khu biệt các thể loại, tác phẩm để chia nhóm; định hướng và xử lí thông tin trong hoạt động thuyết trình, phản biện về sự kiện, nhân vật...* cũng phát sinh từ đó. Dạy học hợp tác với thể mạnh của nó tỏ ra khá phù hợp để GV có thể triển khai và áp dụng đối với các kĩ năng chuyên biệt cần hình thành và tạo dựng cho SV.

Vì thế, nếu trên cơ sở các *mẫu* và *dạng* SV biết và nắm được các yêu cầu về những kĩ năng cần đạt thì

bước phát triển tiếp theo SV phải tiến hành vận dụng các kĩ năng và thao tác ấy. Do đó, để tăng cường tính hiệu quả của quá trình, trong khâu này, GV cần mạnh dạn và quyết liệt trao quyền cho nhóm, cá nhân SV được tự chủ và chịu trách nhiệm về nhiệm vụ thiết kế hệ thống câu hỏi, định hướng nội dung khai thác bài dạy, xây dựng nội dung học tập cho nhóm, tổ... Tùy thuộc vào quỹ thời gian, trình độ, điều kiện cơ sở vật chất, GV có thể linh hoạt tổ chức các nội dung thực hành theo nhiều hình thức khác nhau. Tuy nhiên, cần hướng sự tập trung vào việc để cá nhân, nhóm, tổ được tự phản biện, nhận xét, đánh giá lẫn nhau để rút ra những kiến thức, kinh nghiệm cần thiết cho mình. Đây chính là điều kiện để qua đó cá nhân SV có cơ hội phát huy sở trường hay điều chỉnh những khiếm khuyết của bản thân. Từ đó, GV cũng sẽ có hướng để nhân rộng gương điển hình hay điều chỉnh, uốn nắn những sai sót, hạn chế gắn với mục đích cần rèn luyện, phát triển.

### **2.3. Tập dượt cho SV chủ động phản biện với thầy, với bạn dưới hình thức: cá nhân, tổ, nhóm**

Trong giờ dạy học hợp tác, nhất là đối với dạy học tác phẩm văn chương, nếu tổ chức không chu đáo và người học không thật sự tham gia vào các hoạt động thì có thể nói đó sẽ là những giờ học “chết”. Bởi, bản chất nhất của việc rèn kĩ năng dạy học hợp tác cho SV để định hướng phát triển năng lực này chính là việc *định hình và tạo dựng* cho các em một phong thái và bản lĩnh sư phạm thật sự. Chiều sâu, mức độ và cả tầm vóc nữa của phong thái, bản lĩnh trên được quyết định phần lớn bởi kĩ năng phản biện của mỗi GV. Sở dĩ đề cao kĩ năng này là vì, xét trên góc nhìn từ yêu cầu về năng lực nghề nghiệp của GV dạy văn, kĩ năng này sẽ là nền tảng để hoàn thiện và phát triển năng lực giao tiếp - một năng lực rất quan trọng để *dạy chữ và dạy người* theo yêu cầu của bộ môn.

Không như các kĩ năng khác, một phương diện mà phản biện cần hơn hết chính là nội lực và tố chất tự thân của chính cá nhân người học. Do đó, hình thành và tạo lập kĩ năng phản biện cho SV chính là việc phải tạo được một môi trường tốt nhất để các em có điều kiện rèn luyện, học tập. Vì yếu tố tự thân có vai trò quyết định nên môi trường ấy phải kích thích và dẫn dắt được tâm lí SV theo lộ trình từ *ngại* nói đến *muốn* nói, *chịu* nói và cuối cùng là *thích* nói. Tương ứng với quá trình ấy, định hướng rèn luyện kĩ năng này cho SV cũng phải đảm bảo tiến trình đi từ thấp đến cao theo hướng từ *tập* đến *điển*. Và để *điển* thuần thực, thành công, nhất thiết GV phải thiết kế được một cách thật bài bản, khoa học các “kịch bản” cụ thể cho SV tập dượt.

Để việc tập dượt được diễn ra tự nhiên, có chất lượng, GV cần chọn lọc nội dung và tình huống có sức nén để kích thích sự “bùng nổ thông tin” - chất xúc tác có thể quyết định được *chất* và *lượng* của mọi nguyên tố, vấn đề và trạng thái phản biện. Xuất phát từ đặc thù của môn học ở cả hai lĩnh vực tiếp nhận và cảm thụ nên rất khó xác định cũng như “chỉ mặt đặt tên” những vấn đề và nguyên tố cụ thể để lên kế hoạch học tập. Chính vì thế, để có thể xử lý tốt nội dung này, GV cần phân ra hai loại tình huống là *tình huống tự nhiên* và *tình huống chủ định* để SV tập dượt và rèn luyện. *Tình huống tự nhiên* là những tình huống phát sinh trực tiếp, đột ngột trong quá trình tranh luận, bày tỏ quan điểm, chính kiến của cá nhân, nhóm, tổ về các vấn đề từ nội dung học tập. *Tình huống chủ định* là tình huống do chính GV xây dựng trên cơ sở dự liệu những vấn đề có thể phát sinh bằng kinh nghiệm và trình độ của mình nhằm mở rộng thêm điểm nhìn hay hạn định những ranh giới cụ thể khi hướng dẫn SV trao đổi, tranh luận. Hai loại tình huống trên cần được tiến hành song song với nhau, trước hoặc sau tùy thuộc vào từng nội dung, mục đích cụ thể nhưng nhất thiết phải tạo được liên thông và gắn kết gần như tuyệt đối giữa nó để SV có thể *tập* nhuần nhuyễn và biết *diễn* thuần thục. Cho nên, nếu *tình huống tự nhiên* tôi rèn bản lĩnh, phong thái cho SV thì *tình huống chủ định* sẽ nâng tầm cho bản lĩnh và phong thái ấy.

Sử dụng biện pháp trên không những tạo cho không khí lớp học mang tính dân chủ, bình đẳng, kích thích được tinh thần, thái độ học tập, mà còn đảm bảo cho tất cả mọi cá nhân có điều kiện được học tập và rèn luyện trong điều kiện tốt nhất. Thêm vào đó, SV còn học được cách thu thập, xử lý thông tin, biết chấp nhận những ý kiến khác để *sự diễn* trong phản biện của bản thân, nhóm mình thêm sâu sắc và chính chắn hơn. Đây cũng chính là nền tảng để phát huy năng lực giao tiếp sư phạm sau này với tất cả sự tinh tế, nhạy cảm và bao dung cần có của một giáo viên dạy văn.

### 3. Kết luận

Tóm lại, từ những điều trình bày trên, trên có thể đi đến khẳng định: Vận dụng dạy học hợp tác để phát triển các năng lực chuyên biệt cho SV sư phạm Ngữ văn chính là một hướng đi đúng đắn và cần thiết. Như vậy, để những gợi ý trên thực sự phát huy được hiệu quả trong việc tạo hứng thú và nâng cao kết quả học tập cho SV thì các biện pháp trên cần có sự vận dụng hết sức linh hoạt và phải đảm bảo tính liên tục trong suốt quá trình đào tạo. □

#### Tài liệu tham khảo

[1] Nguyễn Việt Chữ (2010). *Phương pháp dạy học*

*tác phẩm văn chương trong nhà trường*. NXB Giáo dục Việt Nam.

[2] Nguyễn Thanh Hùng (2002). *Đọc và tiếp nhận văn chương*. NXB Giáo dục.

[3] Lưu Xuân Mới (2000). *Lí luận dạy học đại học*. NXB Giáo dục.

[4] Nguyễn Thanh Hùng (2001). *Hiểu văn - Dạy văn*. NXB Giáo dục.

[5] Lê Nguyễn (Tuyển dịch, 2012). *Lí luận văn học - Những vấn đề hiện đại*. NXB Đại học Sư phạm.

## Sử dụng bảo tàng dưới sự hỗ trợ...

(Tiếp theo trang 168)

thuyết minh với HS về nội dung chiến dịch, giới thiệu những hình ảnh tiêu biểu như Chủ tịch Hồ Chí Minh ra mặt trận để cùng Bộ Chỉ huy chỉ đạo, động viên bộ đội chiến đấu, hình ảnh những tấm gương anh hùng Lý Văn Muu, Trần Cừ, La Văn Cầu... Đồng thời trao đổi và giải đáp những thắc mắc cho HS. Kết thúc việc kết nối trực tuyến, GV kiểm tra hoạt động nhận thức của HS. Qua việc kết nối trực tuyến, không gian lớp học như được mở rộng, GV và HS có thể tương tác, trải nghiệm với tài liệu, hiện vật BT, hướng dẫn viên BT trong khi không phụ thuộc vào khoảng cách địa lí. Học tập LS bằng hình thức kết nối trực tuyến với BT, HS được tiếp cận tài liệu gốc với nhiều hình ảnh, hiện vật liên quan đến “*người thực, việc thực*”, từ đó kích thích các em quan sát, tích cực tư duy, hứng thú với bài học.

\*\*\*

Để tăng cường hiệu quả sử dụng BT trong dạy học LS ở trường THPT với sự hỗ trợ của CNTT&TT, nhiều hình thức mới có thể áp dụng như: BT ảo, hiện vật 3D,... Sự đa dạng của các hình thức kết nối sử dụng BT đòi hỏi GV phải tuân thủ các nguyên tắc cơ bản của lí luận dạy học LS, đồng thời phải khéo léo, chủ động và linh hoạt vận dụng hình thức phù hợp, đáp ứng mục tiêu dạy học của bộ môn. □

#### Tài liệu tham khảo

[1] Bảo tàng Cách mạng Việt Nam (2004). *Về lịch sử, văn hóa và bảo tàng*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.

[2] Cục Di sản văn hóa (2005). *Hội đồng Quốc tế các bảo tàng - lịch sử và quy tắc đạo đức bảo tàng*.

[3] Patricia C. Franks, Lori A. Bell, Rhonda B. Trueman (2016), *Teaching and Learning in Virtual Environments: Archives, Museums, and Libraries*, Publisher: Libraries Unlimited.

[4] Phan Ngọc Liên (chủ biên, 2012). *Phương pháp dạy học lịch sử* (tập 1, 2). NXB Đại học Sư phạm.

[5] Phan Ngọc Liên (tổng chủ biên, 2007). *Lịch sử 10*. NXB Giáo dục.

[6] Phan Ngọc Liên (tổng chủ biên, 2012). *Lịch sử 12*. NXB Giáo dục Việt Nam.